

Bản án số: 108/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

2/ Bà **Lê Thị Tuyết Mai**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ* tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Nhu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 274/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 489/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Trương Kiều D**, sinh năm 1992 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 4/4 Tầm Vu, phường A, quận V, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Số 40/5 Phạm Ngũ Lão, phường E, quận T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Ngô Văn P**, sinh năm 1989 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số 91A, khu vực E, phường A, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Trương Kiều D trình bày:

Sau quá trình tìm hiểu, sau đó bà Nguyễn Trương Kiều D và ông Ngô Văn P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ vào ngày 29/12/2010. Bà D và ông P chung sống hạnh phúc được hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, bà và ông P đã ly thân với nhau. Vì vậy, bà D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận C giải quyết cho bà vấn đề sau đây:

+ Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Trương Kiều D được ly hôn với ông Ngô Văn P.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Ngọc N (nữ); sinh ngày 25/02/2011. Hiện tại đang sống với ông P, sau khi ly hôn bà D đồng ý để ông P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến khi trưởng thành. Bà D không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà D khai không có tài sản chung và nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Ngô Văn P trình bày: Ông Ngô Văn P thống nhất với trình bày của bà D về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trước yêu cầu khởi kiện của bà D thì ông P đồng ý ly hôn với bà D. Về con chung thì ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến khi trưởng thành, không yêu cầu bà D cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Vụ án không hòa giải được. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 12/12/2023.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt cho nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông P đã thật sự nghiêm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà D và ông P tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ vào ngày 29/12/2010 nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà D và ông P phát sinh mâu thuẫn, bà D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*”. Bị đơn có địa chỉ tại quận C cho nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt nguyên đơn và bị đơn) theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân:* Bà D và ông P tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ vào ngày 29/12/2010. Bà D và ông P sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, bà và ông P đã ly thân với nhau. Do đó, bà D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận C giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà D và ông P xác nhận cuộc sống vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mặc dù vợ chồng có cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện, bà D và ông P đã ly thân với nhau.

Mặt khác, tại bản tự khai ngày 12/12/2023 thì ông P cũng đồng ý ly hôn với bà D. Điều này chứng tỏ giữa bà D và ông P đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do

đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung:* Bà D khai có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Ngọc N (nữ); sinh ngày 25/02/2011. Cháu N hiện tại đang sống với ông P. Sau khi ly hôn bà D đồng ý để cháu N cho ông P trực tiếp nuôi cháu N đến khi trưởng thành. Bà D không cấp dưỡng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Tại bản tự khai ngày 12/12/2023 thì cháu N có nguyện vọng sống với cha. Ngoài ra, hiện tại cháu N đang sống chung với ông P. Ông P cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N đến khi trưởng thành. Nhằm tạo điều kiện về mặt vật chất và tinh thần cho cháu N tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Vì vậy, việc giao cháu N cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp quy định pháp luật và cũng đảm bảo cuộc sống cho cháu N. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P không yêu cầu bà D cấp dưỡng cho nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà D theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Nguyên đơn khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Trương Kiều D về việc ly hôn với ông Ngô Văn P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trương Kiều D được ly hôn với ông Ngô Văn P.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Ngọc N (nữ); sinh ngày 25/02/2011. Giao cháu N cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận ông P không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà D theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Trương Ngọc D phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 0003028 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự, quận C thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Bà D đã nộp xong án phí.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND QCR;
- Chi cục THADS quận C;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Trung Hiến